TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2024/QĐST-HNGĐ	*Bình Dương, ngày 22 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 24/2023/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2023 về việc "tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn".

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Linh A, sinh năm 1982; hộ khẩu thường trú: xã Th, huyện Tr, tỉnh Th; địa chỉ liên hệ: số 476/2A khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Phong T, sinh năm 1978; hộ khẩu thường trú: xã Â, huyện H, tỉnh B; địa chỉ tạm trú: tổ 21B, KDC Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B; có mặt.

2. Sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Lê Thị Linh A đồng ý giao cho Ông Trần Phong T được toàn quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất (theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ) có diện tích thực tế 100,9m^2, thuộc thửa đất số 1p1725, tờ bản đồ số 4, mã số lô NB05 Ô4 dự án tái định cư T, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B và các tài sản gắn liền với đất là: căn nhà ở loại 02 tầng, nền gạch men, tường xây tô, khung, cột bê tông, cốt thép, mái bê tông cốt thép, sân nhà nền gạch men, 02 trụ cổng, hàng rào, 01 đồng hồ điện kế chính và 01 đồng hồ nước; có tứ cận như sau:

Phía Đông: Giáp đường nhựa;

Phía Tây: Giáp đường dân sinh;

Phía Nam: Giáp lô đất của ông Nguyễn Thanh Long

Phía Bắc: Giáp lô đất của ông Nguyễn Quốc Hùng.

(có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

2.2. Ông Trần Phong T có nghĩa vụ thanh toán lại cho Bà Lê Thị Linh A số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

2.3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá với tổng số tiền 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm nghìn đồng), Bà Lê Thị Linh A tự nguyện chịu và đã thực hiện xong.

2.4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Lê Thị Linh A phải chịu 20.962.500 đồng (hai mươi triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng), được trừ vào số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000708 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An; Bà Lê Thị Linh A còn phải nộp thêm số tiền 18.462.500 đồng (mười tám triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Ông Trần Phong T phải chịu 20.962.500 đồng (hai mươi triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự (để thi hành);
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa GĐ&NCTN.

Lưu Thị Mỹ Hương